

Bản án số: 104/2017/HC-PT

Ngày 26/7/2017

v/v khiếu kiện hành vi hành chính trong
lĩnh vực quản lý đất đai.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tự;

Các Thẩm phán: Ông Trần Minh Tuấn;

Ông Nguyễn Xuân Điền.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mỹ Ngân – Thư ký Tòa án.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** Ông Lê Phước Thạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 85/2017/TLPT-HC ngày 28 tháng 03 năm 2017 về việc: “*Khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 02/2017/HC-ST ngày 20/02/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85A/2017/QĐ-PT ngày 07/7/2017, giữa các đương sự:

***Người khởi kiện:** Bà Nguyễn Thị T;

Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

***Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Vũ Văn S;

Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Ngày 04/9/1997, bà Nguyễn Thị T được Ủy ban nhân dân huyện K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 576004 tại thửa đất số 34, tờ bản đồ số 07, diện tích 2.360m²; tọa lạc tại thôn T, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Nguồn gốc lô đất do bà nhận chuyển nhượng từ năm 1994 và sử dụng ổn định từ đó cho đến nay.

Năm 2015, Bộ Giao thông Vận tải thực hiện Dự án đầu tư, nâng cấp mở rộng đường Hồ Chí Minh (Quốc lộ 14), đoạn qua địa bàn xã P. Ủy ban nhân dân huyện K đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho các hộ gia đình bị ảnh hưởng. Hộ gia đình bà Nguyễn Thị T không có trong danh sách hỗ trợ, đền bù.

Khi đơn vị thi công tiến hành thi công công xả số 4 đến khu đất của hộ gia đình bà T thì hộ gia đình ngăn cản với lý do phần diện tích đang thi công nằm trong diện tích đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 14/5/2015, lực lượng chức năng tiến hành tổ chức bảo vệ thi công công trình công xả số 4 thuộc Dự án nâng cấp Quốc lộ 14, đoạn qua huyện K. Bà T yêu cầu lực lượng chức năng giao Quyết định thu hồi đất nhưng không có.

Bà T gửi đơn khiếu nại đến UBND huyện K. Tại Quyết định giải quyết khiếu nại số 3938/QĐ-UBND ngày 24/9/2015, UBND huyện K không chấp nhận nội dung khiếu nại của bà T vì lý do không phù hợp với thực tế và không đúng pháp luật. Quan điểm giải quyết của UBND huyện K như sau: Tất cả các công trình công cộng, trọng điểm được thi công xây dựng trên địa bàn, nếu có ảnh hưởng đến quyền lợi của bất cứ tổ chức, cá nhân nào thì chỉ đạo cơ quan chuyên môn tổ chức kiểm đếm, lập phương án bồi thường, hỗ trợ theo quy định của pháp luật, không để cá nhân, tổ chức nào thiệt hại. Tuy nhiên đối với trường hợp bà T, khi đơn vị thi công khảo sát nền đường liên thôn T, xã P, cũng như quá trình sử dụng đất, nhận thấy việc thi công đường công xả số 4 không ảnh hưởng tới diện tích đất và tài sản trên đất của hộ gia đình bà T, nên UBND huyện không ban hành Quyết định thu hồi đất và lập phương án bồi thường cho bà T.

Bà T không đồng ý với Quyết định giải quyết khiếu nại của UBND huyện K, vì: Năm 1994, bà T nhận chuyển nhượng lô đất trên hợp pháp và đến ngày 04/9/1997, UBND huyện K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình bà là hoàn toàn đúng so với thực địa và tứ cận tiếp giáp ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích là 2.360m². Việc UBND huyện cho rằng, khi

cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T do cán bộ làm sai sót đề từ chối ban hành quyết định thu hồi đất là không đúng.

Ngày 01/10/2015, bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc UBND huyện K ban hành Quyết định thu hồi đất và lập phương án bồi thường diện tích đất thu hồi của gia đình bà để làm công trình mương cống xả số 4.

Theo yêu cầu của Tòa án nhân dân huyện K, tại Công văn số 259/STNMT-ĐDBĐ ngày 29/02/2016, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cung cấp thông tin về số đo chiều rộng đường đi trên tờ bản đồ số 7, xã P như sau:

“Tờ bản đồ số 7, xã P- Hợp tác xã T, huyện K được lưu trữ tại Sở Tài nguyên và Môi trường, bản đồ đo đạc năm 1993 và lập theo phương pháp thủ công, trên bản đồ chỉ thể hiện loại đất, số thửa và diện tích không thể hiện số đo kích thước các cạnh của thửa đất.

Bản đồ xã P - Hợp tác xã T được lập theo phương pháp thủ công, tọa độ giả định, diện tích thửa đất tính bằng lưới ô vuông; các qui định về kích thước, lực nét vẽ trên bản đồ, chất liệu giấy để lập bản đồ chưa được qui định chặt chẽ, thời gian lưu trữ từ năm 1993 đến nay bản đồ có sự co giãn. Các yếu tố trên ảnh hưởng rất lớn đến việc xác định kích thước chiều rộng đường đi của thửa đất trên bản đồ. Song bản đồ này không phải là bản đồ số nên việc đo kích thước của đường đi bằng phương pháp thủ công (lưới ô vuông) có độ sai số rất lớn không đảm bảo hạn sai cho phép theo qui định...”.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/02/2016, người làm chứng ông Trần Quang S cho biết: “Khi gia đình tôi vào ở trên mảnh đất này (1976) thì đã có 01 con đường mòn để đi bộ và xe đạp. Đến khoảng thời gian năm 1986 thì con đường được mở rộng cho người dân đi làm cà phê đi xe cày và hợp tác xã có ủi để xe xích ma chở nước tưới cà phê, còn chiều rộng của con đường bao nhiêu mét thì tôi không biết.”

Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/02/2016, người làm chứng ông Hoàng Xuân T cho biết: “Khi tôi nhận chuyển nhượng thì đã có con đường đất người dân đi lại và thỉnh thoảng có xe máy cày chạy qua.”

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 02/2016/HC-ST ngày 12/4/2016, Tòa án nhân dân huyện K không chấp nhận đơn khởi kiện của bà T. Không đồng ý với nội dung bản án sơ thẩm, bà T làm đơn kháng cáo. Ngày 25/7/2016, Tòa án nhân

dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm tuyên hủy bản án hành chính sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Căn cứ khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính năm 2015, ngày 11/8/2016 Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk thụ lý và giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 02/2017/HC-ST ngày 20/02/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk quyết định:

“Áp dụng khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; Điều 130; Điều 146; Điều 164; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 194, Điều 204 và Điều 206 Luật Tố tụng hành chính;

Tuyên xử: Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc buộc Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk ban hành quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường đối với phần diện tích đất của gia đình bà nằm trong công trình cấp thoát nước mương cống xả số 4, thuộc dự án nâng cấp, mở rộng đường Hồ Chí Minh.”

Ngày 06/3/2017, người khởi kiện bà Nguyễn Thị T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với các lý do sau đây:

- Căn cứ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 576004 do UBND huyện K cấp ngày 04-9-1997 theo bản đồ giải thửa số 07, đo đạc và can in năm 1994 thì lô đất có vị trí: phía Đông giáp đường liên thôn; phía Tây giáp đường liên thôn, phía Nam giáp thửa đất số 52, phía Bắc giáp thửa đất số 31; diện tích là 2.360m².

- Giữa hai thửa đất số 34 và số 31 không có con đường. Con đường này chỉ hình thành trong quá trình người dân có đất trong khu vực tự làm để thuận lợi việc đi lại. Và cũng chỉ là lối đi nhỏ xe ô tô đi lại như xác nhận của một số người làm chứng. Mãi đến năm 2011, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk khi thực hiện việc đo lại mới ghi nhận con đường này trong bản đồ và chỉ rộng khoảng từ 2-3m, chứ không phải 6m như hiện nay. Thực chất đất này là của người dân hai bên đường, trong đó có đất của bà T. Như vậy, khi thi công cống thoát nước đã chõng lún lên đất của Bà T là đúng thực tế.

- Từ khi nhận chuyển nhượng đất và được cơ quan có thẩm quyền công nhận đối với diện tích 2.360m² đến nay, hằng năm Bà T đều thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính đối với diện tích 2.360m² đất được công nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện giữ nguyên nội dung kháng cáo bản án sơ thẩm với các lý do nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng sự đo vẽ bản đồ địa chính có sai số. Phía Bắc lô đất đã có con đường liên thôn từ trước. Khi Ban thôn mở đường và bê tông hóa, bà T không phản đối. Bà T đã xây tường rào cố định, mặc nhiên thừa nhận ranh giới đất. Vì vậy, Viện kiểm sát đề nghị bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Lô đất bà T đang sử dụng có nguồn gốc nhận chuyển nhượng của ông Hoàng Xuân T vào năm 1994. Năm 1997, bà T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 5760004 tại thửa số 34, tờ bản đồ số 7, diện tích 2.360m².

[2] Bà T lập luận rằng lô đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 2.360m², nên việc thi công công thoát nước đã chõng lún lên đất của bà.

[3] Tuy nhiên, về diện tích lô đất, các tài liệu chứng cứ khác cho những số liệu khác nhau. Theo bản đồ địa chính năm 2011 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk đo vẽ bằng kỹ thuật số, thửa đất của bà T có diện tích 1.832,8m². Theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 26/11/2015, ghi nhận thửa đất của bà T có diện tích 1.962m².

[4] Sự chênh lệch về diện tích thửa đất ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp năm 1997 so với bản đồ địa chính năm 2011 do nguyên nhân đo đạc bản đồ địa chính ở những thời điểm khác nhau có thể có sai số vì áp dụng phương pháp đo vẽ khác nhau, phù hợp với giải thích của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk tại Công văn số 259/STNMT-ĐĐBĐ ngày 29/02/2016.

[5] Theo tờ bản đồ số 07 xã P, Hợp tác xã T được lưu trữ tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk, đo đạc năm 1993 thể hiện phía Bắc lô đất đã có con đường để người dân đi lại. Những người làm chứng là ông Trần Quang S, ông Hoàng Xuân T đều khai con đường phía Bắc lô đất đã có từ trước năm 1994, xe máy cày, xe công nông đi qua được. Người khởi kiện cũng thừa nhận phía Bắc lô đất có con đường nhưng ban đầu chỉ rộng khoảng 2-3m. Như vậy, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1997 cấp cho bà T không thể hiện con đường phía Bắc là không phù hợp với thực tế sử dụng đất. Chênh lệch giữa diện tích đất thực tế bà T đang sử dụng so với diện tích đất ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất còn có nguyên nhân do cơ quan chuyên môn thiếu sót khi can vẽ trích lục thửa đất (hình thể) vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 5760004 đã không thể hiện và mô tả con đường liên thôn tiếp giáp phía Bắc của thửa đất số 34 như trong bản đồ giải thửa số 7 xã P, huyện K được Chi cục Quản lý đất đai đo vẽ và phê duyệt vào năm 1994.

[6] Năm 2006, Ban thôn T tiến hành mở rộng đường và đổ bê tông trên con đường, bà T không có ý kiến khiếu nại hay phản đối.

[7] Tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 11/11/2016, sơ đồ con đường phía Bắc thửa đất số 34 thể hiện: phía Đông có chiều rộng 5m, phía Tây có chiều rộng 6m. Khoảng cách từ hàng rào của bà T xây tính đến tâm đường phía Đông là 2,8m và phía Tây là 3,2m.

[8] Thiết kế thi công công trình cống thoát nước có bán kính là 1,5m, lắp đặt hệ thống cống xả ở giữa tâm đường, nên tâm đường cống cách mép tường rào của bà T tương ứng là 2,8m và 3,2m. Như vậy, công trình cống thoát nước nằm trên con đường đi lại đã có sẵn từ trước năm 1994, không nằm trong diện tích đất của bà T.

[9] Theo Điều 62, Điều 66 Luật Đất đai năm 2013 qui định về thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng, nếu công trình xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật ảnh hưởng đến diện tích sử dụng đất của các hộ gia đình thì Ủy ban nhân dân cấp huyện phải có Quyết định thu hồi đất. Tuy nhiên, đối với công trình cống xả số 4 thì diện tích đất của bà T nằm ngoài vị trí công trình thi công. Do đó, Ủy ban nhân dân huyện K không ban hành quyết định thu hồi đất và phương án bồi thường theo yêu cầu của bà T là đúng pháp luật, không xâm phạm đến quyền của người sử dụng đất theo qui định tại khoản 6 Điều 166 Luật Đất đai năm 2013.

[10] Vì vậy, không có cơ sở để chấp nhận các nội dung kháng cáo của bà T. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận đơn khởi kiện của bà T là có căn cứ, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[11] Bà T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Điều 62, Điều 66, khoản 6 Điều 166 Luật Đất đai năm 2013;

Bác kháng cáo của bà Nguyễn Thị T;

Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 02/2017/HC-ST ngày 20/02/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc buộc Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định thu hồi đất và có phương án bồi thường đối với phần diện tích đất khi thi công công trình cấp thoát nước mương cống xả số 4, thuộc dự án nâng cấp, mở rộng đường Hồ Chí Minh, Quốc lộ 14.

2. Án phí hành chính sơ thẩm bà Nguyễn Thị T phải chịu là 200.000đ, đã nộp tại biên lai số 0023141 ngày 12/10/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

3. Án phí hành chính phúc thẩm bà Nguyễn Thị T phải chịu là 300.000đ, đã nộp tại biên lai số 0042946 ngày 10/03/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2017.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các Thẩm phán

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Minh Tuấn Nguyễn Xuân Điền

Lê Tự